

日本語能力試験・日本留学試験
読解対策シリーズ

JLPT/EJU reading comprehension series

JLPT/EJU 阅读理解系列措施

Loạt sách ôn luyện đọc hiểu cho JLPT/EJU

英語・中国語・ベトナム語

対訳付き

日本語 N1

文法・読解

まるごとマスター

N2 Grammar and Reading Comprehension: A Complete Guide

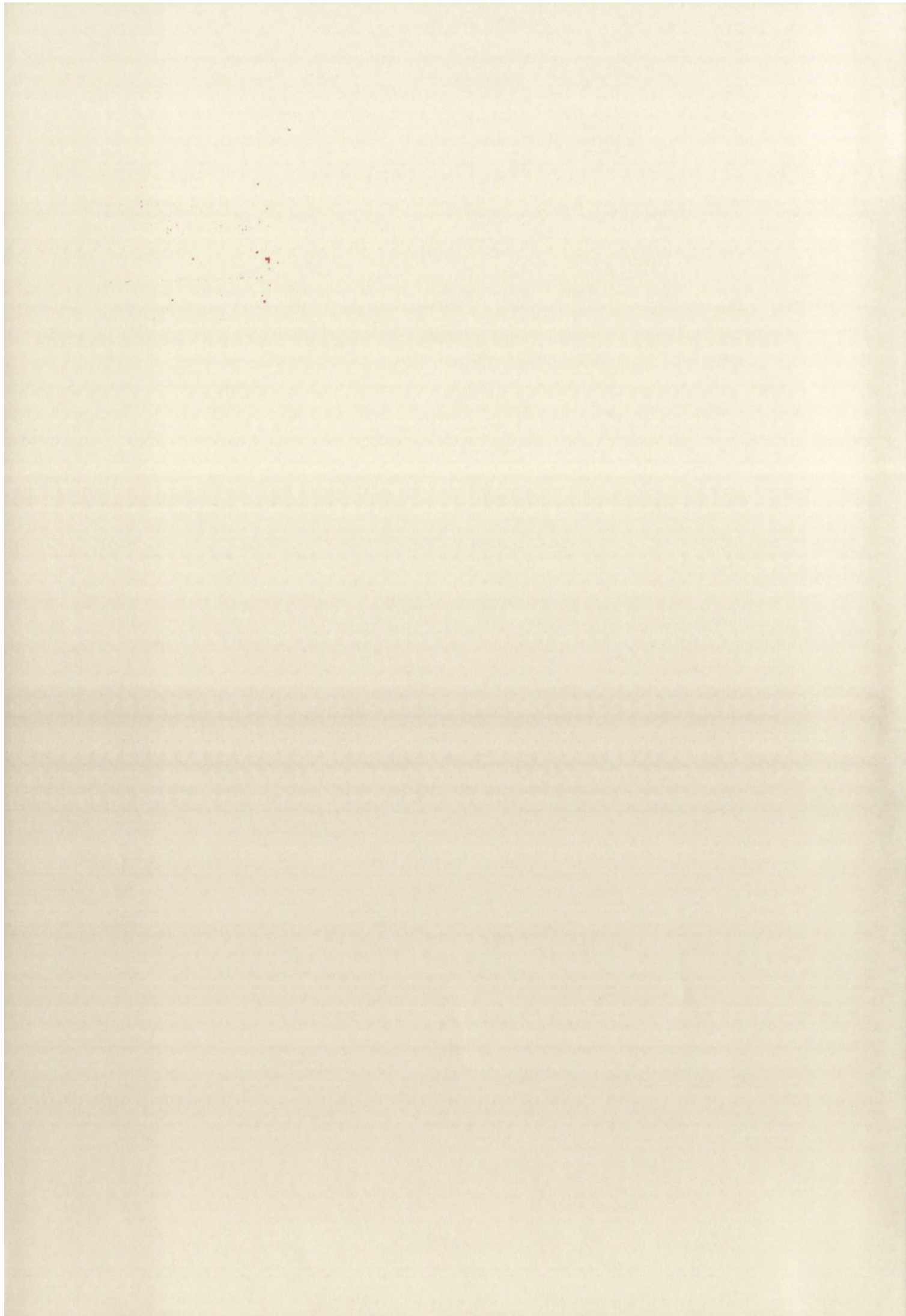
日语 N2 语法・阅读理解的全面掌握

Nắm vững toàn bộ phần ngữ pháp-đọc hiểu tiếng Nhật trình độ N2

水谷信子 監修

森本智子・黒岩しづ可・青木幸子・高橋尚子・

渡邊亜子 共著



日本語能力試験・日本留学試験
読解対策シリーズ

JLPT/EJU reading comprehension series

JLPT/EJU 阅读理解系列措施

Loạt sách ôn luyện đọc hiểu cho JLPT/EJU

英語・中国語・ベトナム語

対訳付き

日本語 N1

文法・読解

まるごとマスター

N1 Grammar and Reading Comprehension: A Complete Guide

日语 N1 语法・阅读理解的全面掌握

Nắm vững toàn bộ phần ngữ pháp-đọc hiểu tiếng Nhật trình độ N1

水谷信子 監修

森本智子・黒岩しづ可・青木幸子・高橋尚子・

渡邊亜子 共著

Jリサーチ出版

はじめに

Preface
前言
Lời Mở Đầu

『日本語 N 2 文法・読解まるごとマスター』の続編として、『日本語 N 1 文法・読解まるごとマスター』をお届けします。

日本語教材のうち、読解の学習書は少ないのが現状です。これは、読解力の向上に必要な、あるいは有効な学習法があまり進まなかったからかもしれません。読解力をつけるための学習法を開発して、意欲的な学習者の皆さんの役に立ちたいという願いからこのシリーズを立ち上げ、「N 5」から「N 1」へとそろえることができ、長年、日本語教材の開発に従事してきた者として、大変うれしく感じています。

この教材の特色は、読解力を高めるため、文法項目を整理しながら実際の文例に即した学習ができるように工夫したことです。また、文を構成する各要素の関係を図解によって理解できるようにしました。文の成り立ちをよく理解し、重要な文法項目をひとつずつ着実に身につけて、次第に文の長さや文法項目の複雑さを克服していくよう工夫しました。今回の「N 1」では一層、文章をより長く、構成をより複雑にしつつ、皆さんの読解力がさらにレベルアップするよう努めました。皆さんが活用してくださることを心から願っています。

水谷信子
みずたにのぶこ

謝辞 しゃじ

本シリーズの制作にあたっては、始まりのときから常に、水谷信子先生より温かいご指導とご助言を頂戴しました。それが何よりの支えとなり、励みとなりました。シリーズの全レベルをそろえることができ、この場を借りて、改めて感謝を申し上げます。ありがとうございました。

Jリサーチ出版編集部
しゅつぱんへんしゅうぶ

目次

Table of Contents
 目录
 Mục lục

はじめに	Preface / 前言 / Lời Mở Đầu	3
この本の使い方	How to Use This Book / 本书指南 / Hướng dẫn sử dụng sách	8
この本のねらい	This book's purpose / 本书目的 / Mục đích của giáo trình	11

PART 1

実践！読解トレーニング 文章編

Try it for Real! Reading Comprehension Training: Composition Section 15

实践！读解训练 文章篇

Thực tiễn! Luyện tập đọc hiểu Tập Đoạn văn

Lesson 1	鎌倉のあじさい かまくら The Hydrangeas of Kamakura / 镰仓的绣球花 / Hoa cẩm tú cầu ở Kamakura	16
Lesson 2	梅干しの効用 うめぼし こうよう The Effects of Umeboshi / 梅干的效果 / Công dụng của mơ muối	18
Lesson 3	科学者とあたま かがくしゃ Scientists and Heads / 科学家和大脑 / Nhà khoa học và trí óc	20
Lesson 4	一つ買ったら三つ捨てる ひとつ か みっ す Buy One Thing, Throw Away Three / 买一扔三 / Mua một bỏ ba	22
Lesson 5	時間があるとき、時間がないとき じかん じかん When You Have Five Hours and When You Don't Have Time / 有五个小时的时候、没有时间的时候 / Lúc có thời gian, lúc không có thời gian	24
Lesson 6	雪の森の一夜 ゆき もり いちや Night in the Snowy Forest / 雪森林之一夜 / Một đêm trong rừng tuyết	26
Lesson 7	疲れと悦びのバランス つか よろこ Balancing Fatigue and Joy / 疲惫与快乐之间的平衡感 / Cân bằng giữa mệt mỏi và niềm vui	29
Lesson 8	ニムとの出会い で あ Meeting Nim / 与尼慕的相遇 / Cuộc gặp gỡ với Nim	31
Lesson 9	キレる大人たち おとな Adults Who Snap / 动火的大人们 / Những người lớn dễ nổi cáu	34
Lesson 10	揺るぎないもの ゆ Something Unshakable / 毫不动摇 / Thứ không lay chuyển	36

ふくしゅう §1 (Lesson 1-10)

Review / 复习 / Ôn tập 38

モデル文章の訳／ふくしゅうのこたえ

Model Sentence Translations, Review Answers / 模式文章的翻译、复习答案

／ Phần dịch của đoạn văn mẫu, Đáp án bài ôn tập 40

Lesson 11	脳死は本当に人の死か のう し ほんとう ひと し Is Brain Death Really Human Death? / 脑死状态的人真的死了吗 / Chết nào có thực sự là đã chết	52
Lesson 12	作家と学生との対話 さっ か がくせい たい わ A Conversation Between Writers and Students / 作家跟学生的对话 / Đối thoại với tác giả và sinh viên	54
Lesson 13	変化する力 へん か ちから The Power to Change / 变化的力量 / Khả năng biến đổi	56
Lesson 14	ハキダメギク Hakidame-giku / 垃圾菊 / Hakidamegiku	58
Lesson 15	花の好きな犬 はな す いぬ The Dog Who Loved Flowers / 花最喜欢的狗 / Chú chó thích hoa	60
Lesson 16	いかに読書すべきか どくしょ How Should We Read / 应该如何读书 / Nên đọc sách thế nào	63
Lesson 17	合羽橋 かっ ば ばし Kappabashi / 合羽桥 / Kappabashi	65
Lesson 18	東京タワー とうきょう Tokyo Tower / 东京塔 / Tháp Tokyo	67
Lesson 19	心の強い子どもを育てる こころ つよ こ そだ Raising a Strong Hearted Child / 培养内心坚强的孩子 / Nuôi dạy đứa trẻ mạnh mẽ ...	69
Lesson 20	引退後 いんたい ご After Retirement / 引退后 / Sau khi quy ẩn	71
ふくしゅう §2 (Lesson 11-20)		
Review / 复习 / Ôn tập		74
モデル文章の訳 / ふくしゅうのこたえ ぶんしょう やく Model Sentence Translations, Review Answers / 模式文章的翻译、复习答案 / Phần dịch của đoạn văn mẫu, Đáp án bài ôn tập		76
Lesson 21	友達 ともだち Friends / 朋友 / Bạn bè	86
Lesson 22	お受験 じゅけん Entrance Examinations / 入学考试 / Thi cử	88
Lesson 23	観光ガイド かんこう Tourism Guide / 观光导游 / Hướng dẫn du lịch	90

Lesson 24	本を読まない人 ほん よ ひと People Who Don't Read Books / 不读书的人 / Người không đọc sách	92
Lesson 25	自動ブレーキに国際基準 じ どう こくさい き じゅん International Standards Come to Automatic Brakes / 自动刹车的国际标准 / Tiêu chuẩn quốc tế về phanh tự động	95
Lesson 26	親による子の世話行動 おや こ せ わ こうどう Acts of Caring for a Child by a Parent / 父母对孩子的照顾 / Hành vi chăm sóc con của cha mẹ	97
Lesson 27	夫と UFO おっと My Husband and UFOs / 丈夫与 UFO / Ông chồng và đĩa bay	99
Lesson 28	彼の住む町へ かれ す まち To the Town Where he Lives / 去他住的地方(城市) / Tới thành phố anh ấy sống	102
Lesson 29	妄想 もうそう Delusions / 妄想 / Hoang tưởng	104
Lesson 30	マイクロチップ Microchips / 微芯片 / Con chip micro	106
ふくしゅう §3 (Lesson 21-30)		
Review / 复习 / Ôn tập		108
モデル文章の訳 / ふくしゅうのこたえ ぶんしやう やく Model Sentence Translations, Review Answers / 模式文章的翻译、复习答案 / Phần dịch của đoạn văn mẫu, Đáp án bài ôn tập		110
Lesson 31	老眼鏡 ろうがんきやう Reading Glasses / 花镜 / Kính lão	122
Lesson 32	アリバイづくり Creating an Alibi / 制造不在犯罪现场的证明 / Tạo bằng chứng ngoại phạm	124
Lesson 33	我が家の問題 わ や もんだい Our Home's Problem / 我家的问题 / Vấn đề của gia đình tôi	126
Lesson 34	大学の改革 だいがく かいかく University Reform / 大学的改革 / Cải cách đại học	128
Lesson 35	科学の目、科学の心① か がく め か がく こころ The Eyes of Science, the Heart of Science ① / 科学之眼、科学之心① / Mắt khoa học, tim khoa học ①	130
Lesson 36	科学の目、科学の心② か がく め か がく こころ The Eyes of Science, the Heart of Science ② / 科学之眼、科学之心② / Mắt khoa học, tim khoa học ②	132

Lesson 37 圏外 けんがい
Out of Range / 没信号 / Ngoài vùng phủ sóng 134

Lesson 38 鬼に金棒 おに かなぼう
Giving a Rod to a Demon / 如虎添翼 / Quỷ thêm gậy vàng 136

Lesson 39 専門領域の細分化 せんもんりょういき さいぶん か
The Subdivision of Areas of Specialization / 专业领域的细分化
/ Phân chia nhỏ lĩnh vực chuyên môn 139

Lesson 40 無理が通れば道理ひっこむ むり とお とうり
The Bad Drives Out the Good / 无理行得通, 有理行不通
/ Nếu vô lý được thông qua thì đạo lý sẽ thu hẹp lại 141

ふくしゅう § 4 (Lesson 31-40)

Review / 复习 / Ôn tập 144

モデル文章の訳 / ふくしゅうのこたえ

Model Sentence Translations, Review Answers / 模式文章的翻译、复习答案
/ Phần dịch của đoạn văn mẫu, Đáp án bài ôn tập 146

CHECKの答え § 1-40 (Lesson 1-40) 158

PART 2

実践！読解トレーニング 情報編

じっせん とうかい じょうほう へん
Try it for Real! Reading Comprehension Training: Information Section **163**

実践！読解訓練 情報篇

Thực tiễn! Luyện tập đọc hiểu Tập Thông tin

Lesson 41 市のフォト・コンテスト し
The Town Photo Contest / 市里举办的摄影比赛 / Cuộc thi ảnh thành phố 164

Lesson 42 国際交流ボランティア募集 こくさいこうりゅう ぼしゅう
Seeking International Exchange Volunteers / 国际交流志愿者报名
/ Tuyển tình nguyện viên giao lưu quốc tế 166

Lesson 43 メールの連絡 れんらく
Communicating by Mail / 网络信件的联系 / Liên lạc bằng email 170

Lesson 44 インターンシップの参加者募集 さんかしゃ ぼしゅう
Seeking Interns / 工作实习的参加报名 / Tuyển người tham gia thực tập 172

Lesson 45 病院の案内 びょういん あんない
Hospital Guidance / 医院指南(介绍) / Hướng dẫn trong bệnh viện 176

さくいん Index / 索引 / Chỉ mục 179

この本の使い方

ほん　つか　かた

How to Use This Book
本书指南
Hướng dẫn sử dụng sách

● この課のタイトル／ Title of This Lesson

／ 本課的标题／ Tên bài

「Grammar Target」から主なものを一つ取り上げ示しています。

Points out and indicates one major element from 「Grammar Target」.

表示从「Grammar Target」的主要内容中抽出其中的一个。

Nêu ra một câu chính trong phần「Grammar Target」.

● Grammar Target

この課で取り上げた N1 レベルの文法項目です。

N1 level grammar items discussed in this lesson.

是指本课所提示的 N1 水平的语法项目

Là những đề mục ngữ pháp trình độ N1 có trong mỗi bài.

● モデル文章／

ぶんしやう

Model sentences／

模式文章／ Đoạn văn mẫu

「Grammar Target」を含む文章の例です。

Example sentences including 「Grammar Target」.

包含「Grammar Target」内容在内的文章の例子。

Là đoạn văn mẫu bao gồm các đề mục ngữ pháp có trong 「Grammar Target」.

PART 1

実践！読解トレーニング
文章編

§1
(L1-10)

Lesson

3 科学者とあたま

Scientists and Heads／科学家和大脑／Nhà khoa học và trí óc

Grammar Target

＊～までもない

「頭のいい」学者はまた、何か思いついた仕事があった場合にも、その仕事を結果の価値という点から見て、せっかく骨を折っても結局たいした重要なものになりそうもないという見込みをつけて着手しないで終わることが多い。しかし、「頭の悪い」学者はそんな見込みが立たないために、人からはきわめてつまらないと思われることでもなんでも、がむしゃらに仕事に取りついて、わき目もふらずに進行していく。そうしているうちに、初めには予期しなかったような重大な結果にぶつかる機会も決して少なくはない。この場合にも、「頭のいい」人は人間の頭の力を買いかぶって、天然の無際限な奥行きを忘却するのである。科学的研究の結果の価値は、それが現われるまではたいてい、だれにもわからない。また、結果が出た時にはだれも認めなかった価値が、十年百年のうちに初めて認められる、ということも珍しくはない。

頭がよくて、そうして、自分を頭がいいと思ひ利口だと思ふ人は、先生にはなれても科学者にはなれない。人間の頭の力の限界を自覚して、大自然の前に愚かな赤裸の自分を投げ出し、そうして、ただ大自然の直接の教えにのみ傾聴する覚悟があって、初めて科学者になれるのである。しかし、それだけでは科学者にはなれないことも、もちろんである。やはり観察と分析と推理の正確周到を必要とするのは言うまでもないことである。

つまり、頭が悪いと同時に頭がよくてはならないのである。

この事実に対する認識の不足が、科学の正常なる進歩を阻害する場合がしばしばある。＊これは、科学にたずさわるほどの人々の慎重な省察を要することと思われる。

(「科学者とあたま」寺田寅彦より)

Vocabulary

□ 骨を折る：苦労する。

□ がむしゃら(な)：夢中になって、強引に物事をする様子。

□ わき目もふらず：そのことだけに集中して、他のことに関心を持たないで。

□ 買いかぶる：能力などを実以上に高く評価すること。

□ 無際限(な)：範囲がないこと。

□ 利口(な)：頭がいい、賢い。

□ 赤裸：何も隠していない。「あかはだか」とも。

□ 周到(な)：細かいところまできちんとすること。

□ 省察：いいか悪いかを考えること。